

HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG Ở KHU VỰC PHÍA NAM VÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SAU 30 NĂM GIẢI PHÓNG

TS. Nguyễn Đắc Hưng*

Ngày 30-4-1975, một sự kiện lịch sử trọng đại đối với dân tộc Việt Nam và có tiếng vang lớn trên thế giới, đó là giải phóng Sài Gòn, cả nước được thống nhất, giang sơn quy về một mối. Tính đến nay vừa tròn 30 năm cả nước tập trung nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ tổ quốc,... Nhìn nhận lại một chặng đường gần 1/3 thế kỷ đó, cùng với sự đổi mới và phát triển không ngừng của đất nước, các tỉnh, thành phố phía Nam cũng như thành phố Hồ Chí Minh đạt được nhiều thành tựu vượt bậc, rất đáng khích lệ về nhiều mặt đời sống kinh tế xã hội. Trong đó có sự đóng góp rất quan trọng của hệ thống ngân hàng cả nước nói chung và các tỉnh phía Nam nói riêng. Trên góc độ tiền tệ - ngân hàng có thể thấy hoạt động ngân hàng ở các tỉnh phía Nam nói chung và thành phố Hồ Chí Minh nói riêng gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển trong 54 năm qua của toàn ngành ngân hàng trong cả nước. Trong đó, hoạt động ngân hàng ở khu vực này có một số đặc điểm nổi bật đáng ghi nhận như sau:

1. Nằm trong xu hướng của tình hình chung, hoạt động ngân hàng tại các tỉnh, thành phố ngay sau ngày giải phóng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (*)



9 giờ 30 phút ngày 30.4.1975, xe tăng quân giải phóng tiến thẳng vào phủ Tổng Thống Ngụy Sài Gòn.

đã được tiếp quản nhanh chóng và kịp thời, đảm bảo hoạt động tiền tệ, ngân hàng, đáp ứng ngay tức thời các hoạt động kinh tế-xã hội của cuộc sống mới sau tiếp quản, cũng như đảm bảo chủ quyền của Chính quyền Cách mạng sau ngày giải phóng về quản lý tiền tệ - ngân hàng cũng như góp phần quản lý các hoạt động kinh tế, quản lý xã hội tại tất cả các tỉnh phía Nam, đảm bảo quản lý tài sản quốc gia về lĩnh vực tiền tệ, ngoại hối.

Cụ thể như sau:

- Ngày 3-5-1975 tiếp quản các ngân hàng ở Sài Gòn. Hệ thống ngân hàng dưới chế độ ngụy quyền có 36 ngân hàng với khoảng 384 chi nhánh; trong đó có 6 ngân hàng công lập và coi như

công lập; 16 ngân hàng tư doanh; 14 ngân hàng của người nước ngoài.

Sau ngày 30-4-1975 có khoảng 11.000 nhân viên ngân hàng cũ ra trình diện; trong đó có 4.762 nhân viên ngân hàng công lập, 6.352 nhân viên ngân hàng tư và ngân hàng của người nước ngoài. Ngành ngân hàng thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc rất nghiêm chỉnh. Theo nhận định của những người làm công tác tiếp quản ngân hàng thời bấy giờ, nhân viên ngân hàng của chế độ cũ nói chung là tốt, phần đông họ là người làm công ăn lương. Do đó, Chính quyền Cách mạng mạnh dạn lựa chọn, bố trí công việc cho họ. Nhờ đó, góp phần tích cực cho việc tiếp quản an toàn tiền, vàng,

hồ sơ giấy tờ, các loại tài sản khác,... và đã đạt được các yêu cầu đề ra. Những người của ngân hàng cũ tiếp tục làm việc dưới sự chỉ đạo của Cách mạng. Trong khoảng thời gian này, Chính quyền Cách mạng đã tổ chức học tập cho hơn 5000 nhân viên ngân hàng cũ, được phân thành 2 cấp.

Tiếp quản Sài Gòn, Chính quyền Cách mạng cho phép nhân dân ở các tỉnh phía Nam được dùng các loại tiền của ngụy quyền Sài Gòn để mua bán trao đổi hàng hoá và dịch vụ.

- **Ngân hàng Quốc gia Việt Nam – Cơ quan Trung ương của Chính phủ** Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, do đồng chí Trần Dương làm Thống đốc tuyên bố hoạt động từ ngày 6-6-1975. Tháng 9-1975 thực hiện đổi tiền mới ở các tỉnh, thành phố phía Nam. Đồng thời Chính quyền Cách mạng duy trì được mối quan hệ với các tổ chức quốc tế, thu hồi được tài sản ngoại tệ, vàng bạc của chế độ cũ để lại, kế tục được vai trò thành viên và số vốn tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế, như: IMF, WB, ADB,...Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách hoà hợp dân tộc, ổn định đời sống xã hội và hoạt động sản xuất, lưu thông không bị đình trệ. Cũng trong năm 1975, Ngân hàng Ngoại thương miền Nam được thành lập. Đồng thời trong khoảng thời gian này, tổ chức thanh lý tài sản của các ngân hàng và tổ chức tín dụng dưới thời chính quyền Sài Gòn. Song song

với việc tiếp quản, tịch thu ngân hàng công, thanh lý ngân hàng tư, thì Chính quyền Cách mạng cũng đã tích cực nhanh chóng thực hiện việc hình thành hệ thống ngân hàng mới ở khắp các tỉnh, thành phố miền Nam sau giải phóng.

- **Năm 1976, thống nhất Ngân hàng Quốc gia Việt Nam (miền Nam) vào hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hệ thống ngân hàng** thống nhất được thực hiện trong toàn quốc.

- Năm 1977 tiến hành kiểm kê và tập trung quản lý số kim khí quý, đá quý, ngọc trai của các hộ kim hoàn tại các thành phố và tỉnh lớn ở miền Nam.

Nhìn chung các hoạt động tiền tệ, ngân hàng trong những năm sau đó luôn luôn vận hành thông suốt, ổn định, đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát triển mọi mặt của đất nước nói chung cũng như các tỉnh, thành phố phía Nam.

2. Bước vào thời kỳ đổi mới, hoạt động tiền tệ , ngân hàng ở các tỉnh phía Nam nhanh chóng phát triển, đáp ứng các yêu cầu của đất nước trong giai đoạn này.

Hệ thống ngân hàng nhanh chóng chuyển từ một cấp sang hai cấp. Ngân hàng Nhà nước thực hiện vai trò quản lý Nhà nước về hoạt động tiền tệ ngân hàng. Các ngân hàng chuyên doanh ra đời, thực hiện nhiệm vụ kinh doanh tiền tệ và dịch vụ ngân hàng, đáp ứng các nhu cầu đầu tư, kinh doanh phát triển kinh tế-xã hội của cả nước nói chung

và khu vực các tỉnh phía Nam nói riêng. Ngoài các ngân hàng chuyên doanh của nhà nước, như: Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp mà sau này đổi thành Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư – Phát triển Việt Nam, thì còn có một loạt tổ chức tín dụng và ngân hàng có vốn đầu tư nước ngoài. Hàng loạt ngân hàng thương mại cổ phần đô thị và công ty tài chính cổ phần được thành lập ở thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, An Giang, Đà Nẵng, Cần Thơ. Các ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn được thành lập tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thiết lập tại thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu. Đó là các ngân hàng hàng đầu thế giới, như: Hongkong and Shanghai Banking Corporation, Citi Bank, Deutsche Bank,... Trước năm 1975 một số ngân hàng đã từng hoạt động tại Sài Gòn, nay tiếp tục quay trở lại.

Tiếp đó giữa thập kỷ 90 của thế kỷ trước, hàng trăm quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cũng ra đời, tập trung nhiều nhất là ở các tỉnh miền Tây Nam bộ, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đồng Nai, ngoại thành thành phố Hồ Chí Minh,...Các chi nhánh ngân hàng phục vụ người nghèo cũng ra đời và đi vào hoạt động tại các tỉnh, thành phố, các huyện thị xã. Đến năm 2003, ngân hàng này được

chuyển thành Ngân hàng Chính sách xã hội. Đặc biệt là Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long cũng được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1998, với mạng lưới phủ kín các tỉnh miền Tây Nam bộ, hiện nay đang mở rộng mạng lưới ra nhiều tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

3. Đến cuối thập kỷ 90 và đầu thế kỷ này, do yêu cầu của tình hình chung, các ngân hàng thương mại cổ phần tiếp theo đó là cả các ngân hàng thương mại nhà nước tiến hành cơ cấu lại.

Một số ngân hàng thương mại cổ phần đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh phải giải thể, thanh lý, hoặc sáp nhập, bán lại cho các ngân hàng khác. Nhiều ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long sáp nhập với các ngân hàng thương mại cổ phần đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chấn chỉnh, củng cố các ngân hàng thương mại cổ phần ở các tỉnh phía Nam diễn ra bài bản, trật tự, tiền gửi của khách hàng nói chung, của người dân nói riêng được chi trả kịp thời, đầy đủ, không gây ra xáo trộn, đảm bảo ổn định về hoạt động tiền tệ – ngân hàng. Sau quá trình chấn chỉnh, số lượng đầu mối ngân hàng thương mại cổ phần và công ty tài chính cổ phần giảm bớt, nhưng hệ thống tổ chức này lớn mạnh lên nhiều mặt, mở rộng thêm mạng lưới rộng khắp ở thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh phía Nam.

Bên cạnh đó quy mô vốn cổ phần được tăng đáng kể, công nghệ ngân hàng được hiện đại hoá, trình độ quản trị điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của các ngân hàng cổ phần được nâng cao, năng lực cạnh tranh được nâng lên. Hệ thống tổ chức tín dụng cổ phần ngày càng vững mạnh và khẳng định được vị thế của nó trong nền kinh tế.

Các ngân hàng thương mại nhà nước cũng thực hiện đề án cơ cấu lại một cách có hiệu quả, nhiều chi nhánh mới được mở ra tại các tỉnh, thành phố có kinh tế phát triển sôi động, tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ và một số thành phố khác.

Kết luận, sau 30 năm giải phóng, hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng ở các tỉnh phía Nam đã phát triển mạnh mẽ, với số lượng rất đông đảo, cạnh tranh sôi động, mạng lưới rộng, mô hình tổ chức và loại hình sở hữu đa dạng.

4. Công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học ngân hàng đóng góp tích cực, có hiệu quả vào quá trình phát triển và đổi mới của hoạt động ngân hàng khu vực phía Nam.

Cùng với sự hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng ở các tỉnh phía Nam, cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học ngân hàng ở phía Nam cũng ra đời và không ngừng lớn mạnh, đó là cơ sở của Trường cao cấp nghiệp vụ ngân hàng, nay là Trường

Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh. Trong lịch sử hình thành và phát triển của mình, đây là các cơ sở đào tạo và đạo tạo lại cán bộ, nhân viên có trình độ khác nhau về tiền tệ – ngân hàng cung cấp chủ lực cho hệ thống ngân hàng, tổ chức tín dụng và các lĩnh vực khác có liên quan ở các tỉnh phía Nam.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, đào tạo càng có ý nghĩa quan trọng vì con người chính là cầu nối gắn kết hoạt động ngân hàng giữa các nước, trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh đang quyết tâm đổi mới chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo để có thể cung cấp cho xã hội, cung cấp cho ngành ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng khu vực phía Nam đội ngũ cán bộ có năng lực, có bản lĩnh, có chuyên môn giỏi tầm cỡ khu vực và quốc tế.

5. Hoạt động, hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng khác đóng vai trò hàng đầu trong việc đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế ở các tỉnh phía Nam:

- Đối với vùng miền Tây Nam bộ, vốn tín dụng ngân hàng thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các vùng sản xuất lúa gạo xuất khẩu, nuôi cá bè, nuôi cá xuất khẩu, mở rộng diện tích nuôi tôm, phát triển vườn cây ăn quả, đẩy mạnh đánh bắt hải sản, phát triển chăn nuôi... tạo ra khối lượng gạo, thủy hải sản xuất khẩu đứng đầu cả nước.

- Đối với vùng Đông Nam bộ, vốn tín dụng thúc đẩy đầu tư hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, phát triển các doanh nghiệp, kinh tế trang trại, khôi phục và phát triển nhiều loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao và cho kim ngạch xuất khẩu lớn, như: cao su, hạt điều, hồ tiêu,... phát triển chăn nuôi đại gia súc. Với sự đầu tư vốn ngân hàng, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp trong nước, hộ gia đình,... đang tạo ra giá trị kim ngạch xuất khẩu đứng đầu trong cả nước.

- Đối với vùng Tây Nguyên, vốn tín dụng ngân hàng thúc đẩy phát triển diện tích và đẩy mạnh thâm canh các loại cây công nghiệp có vị trí quan trọng trong vùng và cả nước, như: cà phê, hồ tiêu, cao su,... hỗ trợ vốn cho đồng bào dân tộc phát triển sản xuất hàng hoá, nâng cao trình độ thâm canh, cải thiện thu nhập.

- Đối với vùng duyên hải miền Trung, vốn tín dụng ngân hàng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn, phát triển du lịch, dịch vụ, công nghiệp chế biến và sản xuất hàng xuất khẩu, chăn nuôi đại gia súc, đánh bắt và chế biến thủy hải sản, mở rộng diện tích cây ăn quả và cây công nghiệp. Hàng loạt đầm tôm, lồng tôm, diện tích nuôi thả cá... được phát triển tại các địa phương dọc biển Nam miền Trung.

Kết luận, vốn tín dụng ngân hàng đầu tư cho các địa

phương trong hơn 30 năm qua đã thấy hiệu quả rõ rệt, tạo số đông việc làm mới cho người lao động, biến nhiều vùng cát trắng thành diện tích nuôi tôm xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, nhiều vùng diện tích đất đai bỏ hoang hay trồng cây có giá trị kinh tế thấp, thành các cơ sở thu hút đông khách du lịch, vườn cây ăn trái, phát triển cây công nghiệp,... cải thiện và nâng cao thu nhập cho số đông người lao động.

Hiện nay khu vực các tỉnh phía Nam chiếm khoảng 50% tổng nguồn vốn huy động và trên 60% tổng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng trong cả nước. Để có thể thấy rõ hơn quy mô cụ thể về hoạt động ngân hàng ở các tỉnh phía Nam trong những năm gần đây của sự nghiệp đổi mới có thể xem xét qua hệ thống Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – NHTM chủ

lực và có quy mô hoạt động lớn nhất trong vùng và trong cả nước. (Xem bảng 1)

Vốn của hệ thống Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được huy động từ các tỉnh phía Bắc, nhất là Hà Nội được điều chuyển cho vay ở khu vực các tỉnh phía Nam, tập trung là vùng đồng bằng sông Cửu Long, khu vực Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, trong đó lớn nhất là ở khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương,... Đây cũng là khu vực có khả năng huy động vốn cũng như sức hấp thụ vốn đầu tư tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam ở mức lớn nhất, tốc độ tăng cao nhất của toàn quốc. Điều này cũng phù hợp với xu hướng, thực trạng phát triển kinh tế chung của khu vực này.

BẢNG 1: NGUỒN VỐN VÀ DƯ NỢ CHO VAY CỦA NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM TẠI KHU VỰC CÁC TỈNH PHÍA NAM ĐẾN 31-12-2004

Vùng kinh tế nông thôn	Số đơn vị	Tổng số vốn huy động	Dư nợ cho vay	Tổng số vốn huy động (%)
1- Vùng Duyên hải Miền Trung	10.540	23,0	12.619	13,8
2- Vùng Tây Nguyên	4.643	0,7	8.928	13,6
3- Vùng Đông Nam Bộ	40.005	50,7	35.450	41,6
4- Vùng Duyên hải Miền Trung	10.469	20,4	25.742	14,6
Cả nước phía Nam	65.657	30,2	82.739	29,6
Cả nước	160.316	23,5	142.294	

6. Nổi bật nhất về hoạt động tiền tệ – ngân hàng ở các tỉnh phía Nam là thành phố Hồ Chí Minh đang vươn lên trở thành khu vực kinh tế năng động đầu tàu kinh tế và trung tâm tài chính ngân hàng của cả nước và hướng tới khu vực.

Tại thành phố Hồ Chí Minh đến nay hội tụ đông đảo và mật độ cao các tổ chức kinh doanh tiền tệ, tín dụng ngân hàng và dịch vụ tài chính. Nơi đây đang trở thành Trung tâm tài chính – tiền tệ lớn nhất của cả nước và đang hướng tới trở thành một Trung tâm tương tự của khu vực. Đến nay trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có khoảng gần 400 đơn vị tổ chức tín dụng và tổ chức tín dụng phi ngân hàng; bao gồm:

- Hội sở chính của Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long; 6 Sở giao dịch và 159 đơn vị: chi nhánh cấp I, cấp II, Phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại quốc doanh.

- 18 hội sở của các ngân hàng thương mại cổ phần đô thị; 106 chi nhánh cấp 2 và Phòng giao dịch của các ngân hàng thương mại này.

- 20 chi nhánh chính và chi nhánh phụ của các ngân hàng nước ngoài.

- 4 Ngân hàng liên doanh và chi nhánh ngân hàng liên doanh.

- 5 Công ty cho thuê tài chính và chi nhánh Công ty cho thuê tài chính.

- 3 Công ty tài chính cổ phần.

- 3 Công ty tài chính trong

mô hình Tổng Công ty Nhà nước.

- 10 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và chi nhánh Quỹ tín dụng Trung ương.

- 7 Công ty kinh doanh chứng khoán trực thuộc ngân hàng thương mại và 5 Công ty chứng khoán khác.

- Khoảng gần 30 Văn phòng đại diện ngân hàng nước ngoài.

- Chi nhánh Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Ngoài ra còn hàng loạt Công ty Bảo hiểm, trong đó có một số Công ty liên doanh bảo hiểm, Công ty cổ phần bảo hiểm với sự tham gia vốn của các ngân hàng thương mại.

Tại thành phố Hồ Chí Minh, trung tâm tài chính – tiền tệ và kinh tế nói chung sôi động và lớn nhất của đất nước, còn được thể hiện rõ ở các khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định tiền tệ.

Trong 30 năm qua, kinh tế thành phố liên tục tăng trưởng nhanh, trong đó các năm gần đây đều tăng trưởng ở mức trên 10%, đồng tiền ổn định, có vai trò hàng đầu là đóng góp của hệ thống ngân hàng. Thực hiện vai trò là tổ chức trung gian tài chính, các tổ chức tín dụng trên địa bàn đẩy mạnh huy động vốn tại chỗ, thu hút vốn điều chuyển trong hệ thống các NHTM để mở rộng cho vay và đầu tư cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tính đến hết năm 2004, tổng nguồn vốn huy động của ngành ngân hàng trên địa bàn đạt 147.300 tỷ đồng. Mức tăng trưởng huy động vốn đạt bình quân 25% - 27%/năm. Tổng dư nợ cho vay đạt hơn 132.000 tỷ đồng, mức tăng trưởng bình quân đạt 24% - 27%/năm.

Nếu nhìn nhận quy mô nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay trong 7 năm gần đây kể từ khi thực hiện hai Luật ngân hàng đến nay có thể thấy rõ như sau: **(Bảng 2)**

BẢNG 2: VỐN HUY ĐỘNG - DƯ NỢ CHO VAY VÀ TỐC ĐỘ TĂNG CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1998 - 2004

Đơn vị: tỷ VND (quy đổi)

Thônhiệni	Vốahuy ãoãg		Dõnõicho vay	
	Sốátieà	%	Sốátieà	%
31-12-1998	32.745	-	32.745	-
31-12-1999	37.903	115,7	37.902	115,7
31-12-2000	52.117	137,5	52.117	137,5
31-12-2001	56.169	107,8	56.169	107,8
31-12-2002	74.126	132,0	74.126	132,0
31-12-2003	96.330	130,0	96.330	130,0
31-12-2004	147.298	152,9	132.769	137,8

Nguồn: Báo cáo NHNN thành phố Hồ Chí Minh và tính toán của tác giả

Vốn tín dụng ngân hàng đã thúc đẩy sản xuất kinh doanh và dịch vụ, đặc biệt là sản xuất hàng xuất khẩu phát triển nhanh, tạo số đông việc làm cho người lao động tại chỗ và thu hút người lao động ở các địa phương khác tới. Đồng thời góp phần tích cực thực hiện chính sách tiền tệ, ngành ngân hàng trên địa bàn đã góp phần ổn định lãi suất, tỷ giá, giá vàng, ổn định chỉ số giá tiêu dùng. Mức lạm phát cũng như chỉ số CPI ở thành phố trong 30 năm qua nằm trong mức bình quân chung cả nước, nhiều năm ổn định ở mức thấp hơn cả nước. Có thể khẳng định đây là thành tựu nổi bật nhất và đáng ghi nhận nhất của ngành ngân hàng trên địa bàn trong 30 năm qua.

Thành phố Hồ Chí Minh cũng là khu vực có nguồn vốn ngoại tệ và dư nợ cho vay ngoại tệ hoạt động rất sôi động trong cả nước. Có thể thấy rõ thực trạng này qua bảng số liệu sau đây: **(Bảng 3)**

BẢNG 3: TỶ TRỌNG NGOẠI TỆ TRONG CƠ CẤU VỐN HUY ĐỘNG CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 1998 – 2004

Thônhiệni	Vốahuy ãoãg		Đồnoìcho vay	
	Soátieà	%	Soátieà	%
31-12-1998	32.745	-	32.745	-
31-12-1999	37.903	115,7	37.902	115,7
31-12-2000	52.117	137,5	52.117	137,5
31-12-2001	56.169	107,8	56.169	107,8
31-12-2002	74.126	132,0	74.126	132,0
31-12-2003	96.330	130,0	96.330	130,0
31-12-2004	147.298	152,9	132.769	137,8

Nguồn: Báo cáo NHNN thành phố Hồ Chí Minh và tính toán của tác giả.

Thứ hai, vốn tín dụng ngân hàng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế **mạnh mẽ**.

Trong 30 năm qua, nhất là trong những năm gần đây, cùng với sự chuyển động chung của kinh tế, thì cơ cấu kinh tế thành phố đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ sang công nghiệp và dịch vụ, phát triển ngành nghề mới, hiện đại hoá công nghệ, nâng cao sức mạnh cạnh tranh. Đến nay dư nợ của ngành ngân hàng đối với ngành công nghiệp và xây dựng đạt 55.672 tỷ đồng, ngành thương mại và dịch vụ đạt 45.035 tỷ đồng, ngành khác 20.745 tỷ đồng; ngành nông lâm thủy hải sản đạt 9.848 tỷ đồng. Sự chuyển dịch cơ cấu này tạo điều kiện cho kinh tế thành phố phát triển ổn định và vững chắc.

Thứ ba, hệ thống ngân hàng tích cực tham gia các chương trình kinh tế **trọng điểm của thành phố**.

Trong những năm gần đây, thành phố có 3 chương

trình kinh tế lớn với vai trò tham gia chủ lực của vốn tín dụng ngân hàng:

- Chương trình cho vay phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất, chẳng những giúp thu hút vốn đầu tư nước ngoài, mà còn giúp di dời các cơ sở trong nội thành gây ô nhiễm chuyển ra ngoại thành, hiện đại hoá cơ sở sản xuất công nghiệp...Tốc độ tăng trưởng tín dụng ngân hàng đối với chương trình này liên tục đạt tốc độ cao trong những năm qua, đến nay đạt dư nợ trên 11.510 tỷ đồng.

- Chương trình cho vay kích cầu đầu tư, tổng dư nợ hiện nay đạt 942 tỷ đồng. Vốn tín dụng đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng, dự án an sinh xã hội, giao thông, nước sạch,... đã và đang mang lại hiệu quả nhiều mặt cho thành phố.

- Chương trình cho vay phục vụ nông nghiệp – nông thôn cũng liên tục được tăng dư nợ trong các năm qua, đến nay đạt 4.180 tỷ đồng. Vốn tín dụng hỗ trợ các hộ nông dân, trang trại, các doanh nghiệp và hợp tác xã có điều kiện đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người nông dân, cung cấp nông sản, thực phẩm cho nội thành và cho xuất khẩu.

Thứ tư, phát triển bùng nổ thị trường dịch vụ tài chính - ngân hàng.

Đây là thành tựu nổi bật của ngành ngân hàng trên địa bàn những năm gần đây. Nhìn lại lịch sử cách đây 30



năm, có thể nói trong 2 năm gần đây các dịch vụ ngân hàng có sự phát triển nhảy vọt và bùng nổ, đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đó là các dịch vụ về giao dịch ngân hàng một cửa, thanh toán tiền điện và điện thoại qua hệ thống thẻ ATM, thanh toán điện tử, chuyển tiền, kiều hối, thu đổi ngoại tệ, séc du lịch, các dịch vụ ngân hàng hiện đại và tiện ích khác. Chỉ tính riêng trong năm 2004 tổng doanh số thanh toán thẻ quốc tế đạt 244 triệu USD, doanh số thanh toán thẻ trong nước đạt 3.587 tỷ đồng. Tổng số tài khoản cá nhân mở và giao dịch với các TCTD trên địa bàn TP đạt: 398.598 tài khoản, tăng 87,5% so với năm 2003; với tổng số dư trên tài khoản đạt 6.076 tỷ VND, tăng 53% so với năm trước. Hiện nay trên địa bàn thành phố đã lắp đặt 235 máy ATM, dự báo hết năm 2005 sẽ là 300 máy ATM. Chính những tiện ích của thẻ ATM trong thanh toán, và trong các giao dịch

khác là yếu tố quan trọng đã và đang thu hút khách hàng, người dân sử dụng.

Do phát triển mạnh dịch vụ thanh toán thẻ, thanh toán qua tài khoản cá nhân, triển khai rộng rãi hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng,... nên cũng chỉ tính riêng năm 2004 tổng khối lượng thanh toán không dùng tiền mặt ở thành phố Hồ Chí Minh đạt 1.338.112 tỷ đồng, bằng 144,6% so với năm 2003, chiếm 85% tổng khối lượng thanh toán qua ngân hàng. Với xu hướng đó đã làm cho thu nhập từ dịch vụ của các ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh tăng lên chiếm 30% - 32% tổng thu nhập của ngân hàng.

Về hoạt động kinh doanh mua bán ngoại tệ và thanh toán quốc tế của các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Cũng chỉ tính riêng năm 2004 tổng doanh số mua ngoại tệ của các ngân hàng thương mại đạt 13.863 triệu USD, tăng 47% so với năm 2003; tổng doanh số bán ngoại tệ đạt 12.932

triệu USD, tăng 45,7% so với năm trước. Về thanh toán mậu dịch, đến nay tổng doanh số thanh toán hàng nhập đạt 9.025 triệu USD, tổng doanh số thanh toán hàng xuất đạt 6.230 triệu USD, tăng trên 30% so với năm 2003. Về thanh toán phi mậu dịch, đến nay tổng doanh số thanh toán thu mậu dịch đạt 6.747 triệu USD, tổng doanh số thanh toán chi phi mậu dịch đạt 5.331 triệu USD, tính chung tổng bội thu thanh toán phi mậu dịch từ đầu năm đến nay là 1.417 triệu USD. Tính chung năm 2004 bội chi trong thanh toán qua hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đạt 1.378 triệu USD. Các quy mô mua bán và thanh toán ngoại tệ tăng từ 20% - 45% so với cùng kỳ năm ngoái. Thực trạng đó cho thấy quy mô thanh toán, kinh doanh mua bán ngoại tệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh rất lớn và ngày càng tăng, nhưng vẫn thâm hụt cán cân thanh toán, chủ yếu do nhu cầu nhập khẩu tăng.

Về kiều hối, ước tính lượng kiều hối chuyển về thành phố Hồ Chí Minh trong cả năm 2004 lên tới 1.845 triệu USD, tăng 11% so với năm 2003. trong đó chủ yếu là chuyển qua ngân hàng, một tỷ trọng khác chuyển qua các tổ chức được phép làm dịch vụ kiều hối. Trong các năm gần đây, cùng với chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, chính sách quản lý ngoại hối phù hợp, gắn liền với tiện ích dịch vụ ngân hàng ngày càng phát triển,... nên đã khuyến khích người Việt Nam ở nước



ngoài, Việt kiều chuyển tiền về nước. Đây là một nguồn thu ngoại tệ rất quan trọng cho phát triển kinh tế.

Thực trạng nói trên cho thấy thị trường dịch vụ tài chính - ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đang diễn ra sôi động. Nhu cầu của người dân, của các doanh nghiệp và tổ chức về các loại hình dịch vụ tiền tệ cũng tăng lên nhanh. Các tổ chức tín dụng nói chung và ngân hàng thương mại nói riêng đang cạnh tranh mạnh mẽ trong việc phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Các tổ chức tín dụng đang tiếp tục chủ động nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính - tiền tệ, tăng cường các hoạt động quảng cáo, tiếp thị, đổi mới phong cách giao dịch, làm cho ngân hàng trở nên “gần” khách hàng hơn, là cơ sở đảm bảo phát triển các hoạt động dịch vụ của ngân hàng hiệu quả.

Tóm lại: Sau 30 năm giải phóng, quy mô hoạt động tiền

tệ - ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phát triển rất nhanh và với quy mô lớn, đóng góp quan trọng vào ổn định tiền tệ, kiềm chế lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm trên địa bàn. Tại thành phố Hồ Chí Minh cũng đang hình thành Trung tâm tài chính - ngân hàng tập trung ở khu vực quận I, với các khu phố và con đường: Bến Chương Dương, đường Hàm Nghi, Công trường Mê Linh,... Vốn ngân hàng đã và đang làm thay đổi rất nhanh bộ mặt kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm giải phóng.

Kết luận chung: Hoạt động ngân hàng ở khu vực phía Nam phát triển nhanh và ổn định sau 30 năm giải phóng, góp phần quan trọng hàng đầu vào ổn định lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đã là một minh chứng lớn nhất cho thực hiện có hiệu quả vai trò quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, cho điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cho sự phát triển vững mạnh của hệ thống ngân hàng, đã và đang tạo tiền đề cho quá trình hội nhập về tiền tệ, ngân hàng và dịch vụ tài chính. ■

NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- “Tiếp quản hệ thống NH miền Nam năm 1975”; “Ngân hàng Việt Nam những dấu mốc lịch sử” - Ngân hàng Việt Nam 50 năm xây dựng và trưởng thành-TCNH- tháng 5-2001.

- Báo cáo Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Báo cáo Tổng kết các năm và Ngân hàng thành phố 30 năm phát triển - NHNN VN - chi nhánh TP.HCM.



Hoạt động giao dịch tại Ngân hàng ACB